

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày 30 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Quý.

2. Ông Lê Ngọc Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa:
bà Võ Thị Hương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST – KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST - KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST - KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 53 đường L, Phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Kim T – Chủ tịch HĐQT, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Văn Nhân L – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng (theo Giấy uỷ quyền ngày 27/5/2022), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần V

Địa chỉ: Số 77 đường D, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Đ – Chủ tịch HĐQT, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty cổ phần Đ trình bày:

Ngày 11/10/2017 và ngày 10/3/2018, Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt: Công ty

Đ) và Công ty cổ phần V (gọi tắt là Công ty V) có ký hợp đồng kinh tế về mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm và bê tông ống để thực hiện công trình xây dựng Chi cục thuế huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tại thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Công ty Đ đã bán cho Công ty V tổng giá trị hàng hoá là: 771.760.000đồng. Công ty V đã thanh toán tổng cộng là 690.000.000đồng, còn nợ 81.760.000đồng. Mặc dù Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty V đến nay vẫn chưa thực hiện. Nay Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải thanh toán số tiền nợ là 81.760.000đồng (*Tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Bị đơn Công ty V đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, không cung cấp tài, liệu chứng cứ để chứng minh. Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Thư ký và của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình kể từ khi gửi đơn đến Tòa án cho đến phiên tòa hôm nay.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn không có bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa. Bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình đúng

được quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, buộc Công ty V trả cho Công ty Đ 81.670.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị đơn Công ty V phải chịu 4.088.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V thanh toán số tiền mua hàng hóa. Nguyên đơn, bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn Công ty V có trụ sở tại thôn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, nguyên đơn Công ty Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ - nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty V được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định vào ngày 11/10/2017 và ngày 10/3/2018, Công ty Đ và Công ty V có ký hợp đồng kinh tế về mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm và bê tông ống để thực hiện công trình xây dựng Chi cục thuế huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tại thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán hàng hóa ký kết giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005, nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo quy định Điều 50 Luật thương mại có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền chưa thanh toán là 81.670.000 đồng.

[3] Về tiền lãi chậm thanh toán: trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền bị đơn chậm trả, chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án, yêu cầu này của nguyên đơn không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thường tín, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất cho vay trung bình của 3 ngân hàng trên là 9,6%.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể: 81.670.000 đồng x 5% = 4.088.000 đồng. Công ty Đ không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ, buộc Công ty cổ phần V trả cho Công ty cổ phần Đ số tiền hàng hóa còn nợ: 81.670.000 đồng (*Tám mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thường tín, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) $150\% \times 9,6\% = 14,4\%$.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần V phải chịu 4.088.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty cổ phần Đ không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.044.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000097 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý